TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 74/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 20 - 12- 2023.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim
Ông Hoàng Văn Tấn
Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đào Văn Long- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 296/2023/TLST- HNGĐ ngày 02/11/2023 về " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Thân Văn Kh, sinh năm 1962(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
Cư trú tại: Xóm Sến, thôn H1, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Bà Giáp Thị Tố U, sinh năm 1965 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Cư trú tại: Xóm Sến, thôn H1, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là ông Thân Văn Kh trình bày: Ông và bà U kết hôn ngày tháng nào ông không nhớ nhưng năm 1989, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V. Sau khi kết hôn bà U về gia đình nhà chồng làm dâu và vợ chồng ở riêng nhà và đất. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2007 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do trong cuộc sống gia đình vợ chồng không cùng quan điểm, không thống nhất, mọi vấn đề trong gia đình đưa ra bàn vợ chồng đều không thống nhất, vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì thương con nên ông chịu đựng vợ chồng ở với nhau. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2007 đến nay.Vợ chồng nhiều lần bàn bạc tìm cách tháo gỡ cùng nhau sửa

chữa nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2010 nguyên nhân là do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ công việc, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm kinh tế từ nhiều năm, vợ chồng không quan tâm đến nhau, ai biết người đó. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn bà U.

Về con chung: Vợ chồng có con chung 02 con chung tên Thân Thị Thu H, sinh năm 1990, Thân Thảo V, sinh năm 1997, các con đã trưởng thành có gia đình riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Giáp Thị Tố U là bị đơn trình bày: Bà và ông Kh kết hôn ngày tháng nào bà không nhớ nhưng năm 1989, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V. Sau khi kết hôn bà về gia đình nhà chồng làm dâu và vợ chồng ở riêng nhà và đất. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2007 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do trong cuộc sống gia đình vợ chồng không cùng quan điểm, không thống nhất, mọi vấn đề trong gia đình đưa ra bàn vợ chồng đều không thống nhất, vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì thương con nên bà chịu đựng vợ chồng ở với nhau. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2007 đến nay.Vợ chồng nhiều lần bàn bạc tìm cách tháo gỡ cùng nhau sửa chữa nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2010 nguyên nhân là do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ công việc, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm kinh tế từ nhiều năm, vợ chồng không quan tâm đến nhau, ai biết người đó. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn ông Kh xin ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có con chung 02 con chung tên Thân Thị Thu H, sinh năm 1990, Thân Thảo V, sinh năm 1997, các con đã trưởng thành có gia đình riêng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã M (sổ rách đã cũ không còn nguyên vẹn), năm 1989 không có trường hợp nào là ông Thân Văn Kh đăng ký kết hôn với bà Giáp Thị Tố U.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp: Ông Thân Văn Kh và bà Giáp Thị Tố U chung sống với nhau và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Sến, thôn H1, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang từ nhiều năm nay và có 03 con chung, ông Kh

bà U không sống chung cùng nhau và ly thân từ nhiều năm nay, nguyên nhân nào địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Thân Văn Kh và bà Giáp Thị Tố U là vợ chồng.

- Án phí: Ông Thân Văn Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Ông Thân Văn Kh có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bà Giáp Thị Tố U là bị đơn cư trú tại: Xóm Sến, thôn H1, xã H, huyện V. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Ông Thân Văn Kh là nguyên đơn, bà Giáp Thị Tố U là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Ông Kh và bà U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Ông Thân Văn Kh và bà Giáp Thị Tố U chung sống với nhau từ năm 1989 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn là phù hợp với Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không đảm bảo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn bà U về gia đình nhà chồng làm dâu ngay, vợ chồng ở riêng nhà và đất. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2007 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do trong cuộc sống gia đình vợ chồng không cùng quan điểm, không thống nhất, mọi vấn đề trong gia đình đưa ra bàn vợ chồng đều không thống nhất, vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì thương con nên ông bà chịu đựng vợ chồng ở với nhau. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2007 đến nay.Vợ chồng nhiều lần bàn bạc tìm cách tháo gỡ cùng nhau sửa chữa nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2010 nguyên nhân là do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ công việc, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm kinh tế từ nhiều năm, vợ chồng không quan tâm đến nhau, ai biết người đó. Sự

việc vợ chồng như vậy hai gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông Kh xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn, bà U đồng ý.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M năm 1989 không có trường hợp nào là ông Thân Văn Kh và bà Giáp Thị Tố U đăng ký kết hôn. Kết quả xác minh tại thôn H1, xã H: Ông Kh và bà U không chung sống với nhau và ly thân từ nhiều năm nay.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng ông Kh và bà U mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Nay ông Kh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, bà U đồng ý. Xét thấy, ông Kh và bà U chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2001 của Quốc hội " về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình", pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Khiêm và bà Uyên, căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận ông Kh và bà U là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có con chung 02 con chung tên Thân Thị Thu H, sinh năm 1990, Thân Thảo V, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và ở riêng, ông Kh và bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Ông Kh và bà U không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông Thân Văn Kh được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Quá trình làm việc Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật nhưng ông Kh không làm đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2001 của Quốc hội " về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình"

Căn cứ Khoản 8 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều 227, 228, 271, 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông Thân Văn Kh và bà Giáp Thị Tố U là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng , công sức đóng góp, số nợ, ruộng đất nông nghiệp:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Thân Văn Kh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003121 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Ông Kh đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã H1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hương